

Bản án số: 23/2022/HNGĐ -ST

Ngày 13/7/2022

"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN H AN THI - TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dực

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Ngọc- Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch hội LHPN H

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND H An Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND H An Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân H An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLST - HNGĐ ngày 23/5/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 27/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1974 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Trú tại: BK, BS, AT, Hưng Yên

Bị đơn: Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1986 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

ĐKKHKT: 55/6 Khu phố 2, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

Chỗ ở hiện nay: 27 Mê Linh phường 9, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng

Người có QLVN liên quan:

1. Cháu Hoàng Minh Th, sinh ngày 15/5/2008

2. Cháu Hoàng T V, sinh ngày 11/8/2016

3. Cháu Hoàng T K, sinh ngày 08/12/2019

Người đại diện hợp pháp của cháu Th: Anh H – bố đẻ của cháu

Người đại diện hợp pháp của cháu Vy, cháu Kim: Chị Th – Mẹ đẻ của các cháu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Th: Bà Đỗ Minh Ánh – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2022 và lời khai của anh H trình bày anh và chị Th có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 1 năm thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào năm 2007. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống cũng như công việc làm ăn hàng ngày, vợ chồng mâu thuẫn từ việc nhỏ đến việc lớn nên thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 7/2019 nên đã sống ly thân nhau từ thời gian này, anh về quê sinh sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh làm đơn xin ly hôn chị Th.

Về con chung: Có 03 con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt chị Th trình bày: Chị và anh H có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào năm 2007. Anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn từ nhỏ đến lớn đều không chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xung đột, nhưng cả hai vì con vì cái vẫn cố gắng chung sống với nhau để lo cho các con, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung từ tháng 7/2019 và vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó, vợ chồng đã nói chuyện tìm biện pháp nhưng không có kết quả. Nay anh H xin ly hôn chị Th nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Hoàng Minh Th, sinh năm 2008; Hoàng T V, sinh năm 2016 và Hoàng T K, sinh năm 2019.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản xác minh với UBND xã Bãi Sậy: Chị Th, anh H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 04/10/2007 tại số 38. Sau khi thành vợ chồng anh H, chị Th không chung sống tại địa phương nên việc anh H, chị Th có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được. Cuối năm 2019, anh H cùng con trai về nhà bố mẹ đẻ tại BK, BS, ẤT sinh sống từ đó đến nay. Qua kiểm tra Th tin cư trú thì anh H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bối Khê, Bãi Sậy.

Về con chung: Anh H, chị Th có 03 con chung là Hoàng Minh Th, sinh năm 2008; Hoàng T V, sinh năm 2016 và Hoàng T K, sinh năm 2019.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 13/7/2022: Chị Th, anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Th, bà Ánh có quan điểm: Do anh H, chị Th xác định không ở với nhau được nữa nên thống nhất ly hôn

Về con chung: Anh H, chị Th có 03 con chung là Hoàng Minh Th, sinh năm 2008; Hoàng T V, sinh năm 2016 và Hoàng T K, sinh năm 2019. Quá trình giải quyết vụ án nguyện vọng của cháu Th xin được ở với bố. Quá trình giải quyết vụ án anh H,

chị Th đã thống nhất để anh H nuôi cháu Th, còn chị Th nuôi cháu Vy, cháu Kim. Sự thỏa thuận của anh H, chị Th là phù hợp với thực tế vì hiện nay cháu Th đang ở với bố, còn cháu Vy, cháu Kim đang ở với chị Th, hơn nữa cháu Th đang học tập tại Bãi Sậy. Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Th là 2.000.000 đồng/ 2 cháu/ tháng, sự tự nguyện cấp dưỡng của anh H phù hợp với yêu cầu của chị Th, phù hợp với pháp luật. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND H tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn, người có QLVN liên quan: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Văn H. Xử cho anh H được ly hôn chị Th

- Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, chị Th giao cháu Hoàng Minh Th, sinh ngày 15/5/2008 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và giao cháu Hoàng T V, sinh ngày 11/8/2016, cháu Hoàng T K, sinh ngày 08/12/2019 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh và anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th số tiền 2.000.000 đồng/2 cháu/tháng. Anh H và chị Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

+ Anh H phải chịu án phí DSST và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân H Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bải Sậy vào ngày 04/10/2007. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh H là hợp pháp. Nay anh H có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Chị Th hiện nay đang ở tại phường 9, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng nhưng chị Th đã có văn bản đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân H Ân Thi giải quyết về việc ly hôn theo đề nghị của nguyên đơn anh Hoàng Văn H nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân H Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Th, anh H xác định tháng 7/2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn, anh H, chị Th đều xác định vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 7/2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ chị Th đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, chị Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tại lời khai của anh H, chị Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh H, chị Th đã mỗi người sống một nơi nên chị Th, anh H đề nghị Tòa xử cho ly hôn, bởi vậy hôn nhân giữa chị Th, anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H, chị Th không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh H, chị Th có 03 con chung là Hoàng Minh Th, sinh năm 2008; Hoàng T V, sinh năm 2016 và Hoàng T K, sinh năm 2019. Nay ly hôn chị Th, anh H thống nhất để anh H nuôi dưỡng cháu Th, còn chị Th nuôi dưỡng cháu Vy, cháu Kim. Xét sự thỏa thuận của anh H, chị Th là phù hợp với thực tế vì hiện nay cháu Th đang ở với anh H tại BK, BS, ÂT, Hưng Yên, còn cháu Vy, cháu Kim đang ở với chị Th tại Đà Lạt, Lâm Đồng, cháu Th cũng có nguyện vọng ở với anh H nên để tránh việc xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của các cháu và sự thỏa thuận của anh H, chị Th là phù hợp pháp luật nên HĐXX xét thấy giao cháu Th cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, còn giao cháu Vy, cháu Kim cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là đảm bảo mọi mặt cho con chung. Về cấp dưỡng anh H có thu nhập khoảng 10 triệu đồng nên anh H không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H còn tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Vy, cháu Kim cho chị Th là 2.000.000/ tháng/ 2 cháu kể từ tháng 6/2022 cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên, mức cấp dưỡng anh H tự nguyện là phù hợp với yêu cầu của chị Th và phù hợp với pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh H, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn H được ly hôn chị Đinh Thị Th

2- Về con chung: Giao cháu Hoàng Minh Th, sinh ngày 15/5/2008 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và giao cháu Hoàng T V, sinh ngày 11/8/2016, cháu Hoàng T K, sinh ngày 08/12/2019 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh và anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th số tiền 2.000.000 đồng/2 cháu/tháng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu Vy, cháu Kim đến tuổi thành niên. Anh H và chị Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 - Về án phí : Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0004052 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự H Ân Thi. Anh H còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5- Quyền kháng cáo: Chị Th, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trở lại hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Phòng GDKT và THA tỉnh;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND + THADS H;
- Đương sự;
- UBND xã Bãi Sậy, Ân Thi;
- Lưu HS

Nguyễn Đồng Dục

